TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIÊT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261 /2022/HSST.
Ngày: 19/ 9/2022

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Quách Mạnh Thành***

Các Hội thẩm nhân dân: ***Ông Nguyễn Việt Anh***

Bà Trần Thị Kim Dung

Th□ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ***Ông Nguyễn Ngọc Quang*** - cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: ***Ông Đặng Văn Sỹ***- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 248/2022/ HSST ngày 12 tháng 08 năm 2022 , quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2022 ngày 22/08/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 126/ ngày 06/09/2022 đối với bị cáo: **Đặng Đạt T** - sinh năm: 1975; HKTT và chổ ở: Số 4 TT4B KĐT TLLĐ, HL, Hoàng Mai, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12 /12; bố là Đặng Đạt V; mẹ là Nguyễn Thị Th; Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con thứ sáu; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Anh Q (sinh năm 1983, HKTT: Số 91 phố HĐT, phường KG, quận Thanh Xuân, Hà Nội)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 ngày 23/11/2021 anh Hoàng Anh Q (sinh năm 1983, HKTT: Số 91 phố HĐT, phường KG, quận Thanh Xuân, Hà Nội) đang ở tại trụ sở Công ty F tại địa chỉ CL26, KĐT LK, phường LK, Hà Đông, Hà Nội thì thấy tiếng ầm ĩ nên đi xuống thấy Đặng Đạt T cùng khoảng 04 đối tượng có hành vi chửi bới, gây sức ép và đánh nhân viên Công ty F do mâu thuẫn trong việc trả tiền vay nợ giữ Đặng Đạt T và Hoàng Anh Q nên anh Q đã làm đơn trình báo tố giác Đặng Đạt T gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Đình Đạt đã khai nhận : Khoảng năm 2016 Đặng Đạt T và Hoàng Anh Q có chung vốn để mở công ty, T làm Chủ tịch hội đồng quản trị, Q là Tổng giám đốc của Công ty của Công ty F có trụ sở: CL26, KĐT LK, LK, Hà Đông, Hà Nội. Thời điểm làm tại công ty, T có góp vốn cho công ty qua hình thức vay vốn thế chấp ngân hàng tài sản của T là 01 ngôi nhà và 02 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX350 đeo BKS 30E-393.73 và chiếc xe ôtô Lexus LX570 đeo BKS 30E-440.55. Đến năm 2019, khi T rời khỏi công ty tất toán khoản vay của công ty và thanh toán cho T só tiền tương ứng với khoản thế chấp ngôi nhà và chiếc ôtô Lexus RX350 đeo BKS 30E-393.73, còn chiếc ôtô Lexus LX570 đeo BKS 30E-440.55 công ty chưa thanh toán hết cho T. T vẫn đứng tên chủ sở hữu đối với 2 chiếc xe trên. Sau đó, Ngân hàng thông báo quá hạn về việc thanh toán khoản vay đối với 02 chiếc xe và ra quyết định thu hồi xe. Anh Q thỏa thuận với T về việc T bỏ ra số tiền 3.950.000.000 đồng để lấy lại 02 chiếc xe trên từ ngân hàng, có biên bản thỏa thuận ngày 16/18/2021 anh Q ký với T để hợp thức hóa số tiền T chuyển vào công ty lấy 02 chiếc xe trên. Ngày 13/08/2021 tại cây ATM Linh Đường, HL, Hoàng Mai, Hà Nội T chuyển khoản 3.950.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của T Mbbank STK 0630185556666 đến tài khoản Mbbank của Công ty F, sau đó làm thủ tục tất toán khoản vay trên với ngân

hàng Mbbank. T đã 02 chiếc xe trên về quản lý và sử dụng. Đến ngày 22/08/2021, sau khi tính toán số tiền công ty còn nợ T (số tiền thế chấp chiếc xe ôtô Lexus LX570 đeo BKS 30E-440.55). Số tiền anh Q còn nợ T là 2.130.000.000 đồng hai bên thỏa thuận trả nợ số tiền trên theo lãi suất 3000 đồng/ triệu/ngày, 10 ngày trả lãi 01 lần. Sau đó anh Q trả nợ cho T từ tài khoản của anh Q và tài khoản của Lê Minh T1 (sinh năm 1990, HKTT: Số 4 ngõ 1 phố CT-YK- hà Đông- Hà Nội) đến tài khoản ngân hàng của T, cụ thể:

- Ngày 31/08/2021 chuyển khoản trả T 25.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Tech com bank STK 19021251058588 của T.

- Ngày 01/09/2021 chuyển khoản trả T 40.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Tech com bank STK 19021251058588 của T.

- Ngày 14/09/2021 chuyển khoản trả T 65.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Tech com bank STK 19021251058588 của T.

- Ngày 16/09/2021 chuyển khoản trả T 300.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Techcom bank STK 19021251058588 của T.

- Ngày 18/09/2021 chuyển khoản trả T 100.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Tech com bank STK 19021251058588 của T.

- Đến ngày 22/9/2021, T1 chuyển khoản trả cho T 200.000.000 đồng tiền gốc.

- Ngày 24/9/2021, chuyển khoản trả cho T 50.000.000 đồng tiền lãi từ TK Ngân hàng Mbbank 063010822008 của T1 đếnT.

- Ngày 27/9/2021 chuyển khoản trả T 10.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Techcom bank STK 19021251058588 của T.

- Ngày 01/10/2021 chuyển khoản trả T 45.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng Techombank STK 19026933589013 của T1 đến tài khoản Ngân hàng Techcom bank STK 19021251058588 của T.

- Ngày 13/10/2021 chuyển khoản trả T 45.000.000 đồng tiền lãi từ TK ngân hàng MbbankSTK 063010822008 của T1 đến T.

- Ngày 16/10/2021 Q chuyển khoản trả T 27.000.000 đồng tiền gốc đến tài khoản Mbbank STK 0630185556666 của T.

- Ngày 20/10/2021 chuyển khoản trả cho T 330.000.000 đồng tiền gốc từ tài khoản TK Ngân hàng Mbbank 063010822008 của T1 đến tài khoảnT.

- Ngày 27/10/2021 trả cho T 30.000.000 đồng tiền lãi, T1 chuyển khoản từ TK Ngân hàng BID có STK 27910000546781 đến tài khoản của T.

- Ngày 28/10/2021 chuyển khoản trả cho T 14.400.000 đồng tiền lãi, T1 chuyển khoản 8.000.000 đồng từ TK Ngân hàng Mbbank 063010822008 và 6.4000.000 đồng từ TK Ngân hàng BID có STK 27910000546781 đến tài khoản của T.

- Ngày 3/11/2021 chuyển khoản trả cho T 10.000.000 đồng tiền lãi, từ TK Ngân hàng Mbbank 063010822008 của T1 đến tài khoản T.

- Ngày 5/11/2021 chuyển khoản trả cho T 17.900.000 đồng tiền lãi từ TK Ngân hàng Mbbank 063010822008 của T1 đến tài khoản T.

- Ngày 11/11/2021 chuyển khoản trả cho T 10.000.000 đồng tiền lãi từ TK Ngân hàng BID có STK 27910000546781 của T1 đến tài khoản T.

- Ngày 12/11/2021 chuyển khoản trả cho T 7.000.000 đồng tiền lãi từ TK Ngân hàng BID có STK 27910000546781 của T1 đến tài khoản T.

-Ngày 17/11/2021 chuyển khoản trả cho T 10.900.000 đồng tiền lãi từ TK Ngân hàng Mbbank 063010822008 của T1 đến tài khoản T.

- Từ ngày 18/11/2021 T1 đã chuyển trả cho T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Từ ngày 19/11/2021 T1 đã chuyển trả cho T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Từ ngày 20/11/2021 T1 đã chuyển trả cho T số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Từ ngày 23/11/2021 T1 đã chuyển trả cho T số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc anh Q trả cho T là 1.360.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho T là 380.200.000đồng, trong đó số tiền T được hưởng lợi là 69.443.000 đồng (tương đương lãi suất 20% / năm) thu lợi bất chính 310.757.000 đồng.

Do Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng như cam kết mà mỗi lúc trả 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, T nhiều lần gọi điện nhưng Q không nghe máy, nhắn tin không trả lời. Ngày 23/11/2021, T đang ngồi ăn cơm cùng bạn xã hội gồm: Tuấn A(sinh năm 1985, chỗ ở: TĐ, Hai Bà Trưng, Hà Nội); Kh(Sinh năm 1985; chỗ ở : LĐ, HL, Hoàng Mai, Hà Nội) và 02 thanh niên là bạn của Kh; Tuấn A(T không biết thông tin gì khác). T gọi điện cho Q được biết Q đang ở văn phòng Công ty. Quá trình trao đổi qua điện thoại, Quan có lời nói thách thức T. Do lo sợ bị Q đánh gây thương tích nên T cùng bạn xã hội(như đã nêu trên) đến trụ sở công ty của Q tại địa chỉ CL26, KĐT LK, phường LK, Hà Đông, Hà Nội thì gặp T1. Lúc này, T1 có lời thách thức T nên Tuấn A, Kh và 02 nam thanh niên là bạn của Tuấn A và Kh lao vào dùng chân tay không đánh gây thương tích cho T1. Đặng Đạt T nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tiến hành cho Q vay để hưởng lợi.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Anh Q và Lê Minh T1 trình bày nội dung phù hợp với lời khai của Đặng Đạt T.

Đối với việc Đặng Đạt T cho Hoàng Anh Q vay số tiền 2.130.000 đồng ngày 22/8/2021 với lãi suất 3.000 đồng/ triệu/ ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm) gấp 5,475 lần so với quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 20%/năm.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của Hoàng Anh Q kết quả: Thu thập được nội dung các tin nhắn Zalo giữa anh Q và T có nội dung T yêu cầu anh Q trả số tiền anh Q nợ T với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày theo từng thời điểm phù hợp với nội dung vụ việc.

Tiến hành thu thập sao kê tài khoản ngân hàng của anh Q, anh T1, T tại Ngân hàng Techcombank, Ngân hàng Mbbank, Ngân hàng quốc tế và Ngân hàng BIDV xác định các lần anh Q trả tiền, tiền gốc phù hợp với tin nhắn, lời khai anh Q và của T.

Đối với hành vi của các đối tượng tên Tuấn A, Kh và 02 nam thanh niên là bạn của Tuấn A; Kh gây thương tích cho anh Lê Minh T1 tại CL26, KĐT LK, phường LK, Hà Đông, Hà Nội, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân các đối tượng trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hoàng Mai đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan.

Tại bản cáo trạng số 243/CT-VKS ngày 10/08/2022 Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đã truy tố Đặng Đạt T về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự".

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai sau khi phân tích đánh giá về hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 201; điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự 2015, giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trên và đề nghị xử phạt Đặng Đạt T mức án từ 10 tháng đến 20 tháng tù, về tội " Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo , hạn thử thách là 20 tháng đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để theo dõi quản lý và giáo dục trong hạn thử thách của bản án.

- Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ vào NQ 01/ 2021/HĐTPTATC ngày 20.12.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 2.130.000.000 đồng để xung công quỹ nhà nước.

2. Buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 69.443.000 đồng để xung công quỹ nhà nước.

3. Buộc bị cáo T phải trả lại cho anh Q số tiền 310.757,000 đồng do thu lời bất chính mà có.

Tại phiên toà bị cáo Đặng Đạt T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận bị cáo phạm tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự .

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Hành vi của bị cáo Đặng Đạt T được thể hiện như sau: Từ ngày 22/8/2021 đến ngày 23/11/2021, Đặng Đạt T đã cho anh Hoàng Anh Q vay lãi nặng với số tiền 2.130.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương 109,5%/năm vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong đó, tổng số tiền gốc anh Hoàng Anh Q đã trả cho Đặng Đạt T là 1.360.000.000 đồng, tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho T là 380.200.000 đồng, trong đó số tiền Đặng Đạt T được hưởng lợi là 69.443.000 đồng, hưởng lợi bất chính là 310.757.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Đặng Đạt T đã

cấu thành tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" đ-ợc quy định tại khoản 2 điều 201 bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đặng Đạt T đã cấu thành tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 điều 201 bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể trong lĩnh vực tiền tệ, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo đã coi th-ờng pháp luật, mặc dù bị cáo biết việc người khác đang gặp khó khăn về kinh tế nhưng muốn h-ởng lợi bất chính nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và phải có một hình phạt t-ơng xứng để bị cáo nhận thức đ-ợc sai phạm, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

* Nhân thân, T tiết tặng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như sau:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có T tiết tăng nặng

+ Tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i,s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Gia đình bị cáo có công cách mạng nên áp dụng khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính lẽ ra phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự 2015. Song xét thấy bị cáo ốm đau, không có nghề nghiệp, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy nên miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung này.

Về nhân thân: Bị cáo Đặng Đạt T chưa có tiền án, tiền sự có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng.

Sau khi xem xét tính chất mức độ phạm tội, T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Đặng Đạt T; Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng : áp dụng điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể bị cáo cải tạo ngoài xã hội, giao bị cáo cho

chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

* Xử lý tiền liên quan đến việc phạm tội như sau:

Căn cứ vào NQ 01/ 2021/HĐTPTATC ngày 20.12.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 2.130.000.000 đồng để xung công quỹ nhà nước.

2. Buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 69.443.000 đồng để xung công quỹ nhà nước.

3. Buộc bị cáo T phải trả lại cho anh Q số tiền 310.757,000 đồng do thu lời bất chính mà có.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51 , điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Đặng Đạt T 10 (mười) tháng** tù, về tội" Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách **20 (hai mươi) tháng,** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Đạt T cho Ủy ban nhân dân phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của án treo.

Trong hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của án treo.

- Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho bị cáo.

- Xử lý tiền liên quan đến việc phạm tội:

- Căn cứ vào NQ 01/2021/HĐTPTATC ngày 20.12.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 2.130.000.000 đồng để xung công quỹ nhà nước.

2. Buộc bị cáo T phải truy nộp số tiền 69.443.000 đồng để xung công quỹ nhà nước.

3. Buộc bị cáo T phải trả lại cho anh Q số tiền 310.757,000 đồng do thu lời bất chính mà có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban th- ờng vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

- Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về phần liên quan trong vụ án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Hoàng Mai
- Những ng- ời tham gia tố tụng.
- L- u.

Tm. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Quách Mạnh Thành